

## BÁO CÁO

**Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2023**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Thực hiện Công văn số 10002/BKHĐT-TCTK ngày 29/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo kiểm kê nguồn lực năm 2023; thừa ủy quyền của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Công văn số 10900/UBND-TH ngày 08/12/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk báo cáo như sau:

### I. BỐI CẢNH CHUNG

Triển khai Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế và Nghị quyết số 30/NQ-CP ngày 17/3/2020 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15/01/2019 của Bộ Chính trị; trên cơ sở Chương trình số 32-CTr/TU ngày 17/5/2019 của Tỉnh ủy Đắk Lắk về triển khai thực hiện Nghị quyết, UBND tỉnh Đắk Lắk đã ban hành Kế hoạch số 6074/KH-UBND ngày 15/7/2020 để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 30/NQ-CP của Chính phủ đảm bảo tính khả thi, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và có lộ trình cụ thể để triển khai đồng bộ, hiệu quả việc quản lý, khai thác và sử dụng các nguồn lực kinh tế trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Chỉ đạo các địa phương thuộc tỉnh sử dụng hiệu quả các nguồn lực, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh trên địa bàn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

### II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH CỦA TRUNG ƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN VÀ CÁC CHÍNH SÁCH CỦA ĐỊA PHƯƠNG TRONG VIỆC QUẢN LÝ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG VÀ PHÁT HUY CÁC NGUỒN LỰC CỦA NỀN KINH TẾ

Trong thời gian qua, cùng với việc triển khai có hiệu quả, đồng bộ các quy định, cơ chế, chính sách của Trung ương về quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy nguồn lực cơ sở vật chất và hạ tầng kinh tế - xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; tỉnh đã chủ động rà soát, ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm sử dụng hiệu quả và phát huy tối đa các nguồn lực trên địa bàn tỉnh, đảm bảo phù hợp với quy định của nhà nước và tình hình thực tế của địa phương; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia tham gia đầu tư

phát triển cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chú trọng đến việc đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong các lĩnh vực như: giáo dục, đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao... nhằm giảm bớt gánh nặng cho đầu tư công; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính đối với các thủ tục có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư triển khai thủ tục đầu tư và sản xuất, kinh doanh trên địa bàn.

Với nguồn lực còn hạn chế, tỉnh đã ưu tiên đầu tư những dự án quan trọng, nhằm tập trung nguồn lực, giải quyết những điểm còn hạn chế, từng bước hình thành kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tương đối đồng bộ và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; tập trung, đa dạng các hình thức huy động vốn, đặc biệt khuyến khích khu vực tư nhân tham gia vào đầu tư hạ tầng, khuyến khích xã hội hóa trong lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao, người dân, doanh nghiệp tham gia xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn để tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **III. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC VÀ HẠN CHẾ TỒN TẠI**

#### **1. Nguồn lực con người**

##### **a) Kết quả đạt được**

Ước tính dân số trung bình năm 2023 của tỉnh Đắk Lắk khoảng 1.930.570 người; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên khoảng 1.166.506 người, chiếm 60,42% so với dân số trung bình; lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc 1.158.148 người. Kế hoạch năm 2023, toàn tỉnh giải quyết việc làm cho 30.000 người, trong đó xuất khẩu lao động 1.500 người; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị 2,45%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo dự kiến đạt 63%, trong đó lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 21,57%. Năm 2023, tình hình thị trường lao động ổn định, các doanh nghiệp trong tỉnh hoạt động ổn định, nhu cầu tuyển dụng lao động tăng. Bên cạnh đó các doanh nghiệp ngoài tỉnh đến phối hợp với tỉnh Đắk Lắk để tuyển dụng lao động nhiều; Trung tâm Dịch vụ việc làm Đắk Lắk đã phối hợp với UBND các huyện, thị xã và thành phố tổ chức nhiều Phiên giao dịch việc làm, Ngày việc làm, điểm tư vấn việc làm để giới thiệu, chấp nối việc làm cho người lao động; đồng thời các địa phương đã chủ động tổ chức các phiên giao dịch việc làm, điểm tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động; Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay vốn duy trì, mở rộng và tạo việc làm để giúp cho người lao động tự tạo việc làm.

Các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các huyện, thị xã và thành phố đã chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch số 69/KH-UBND ngày 05/5/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 10/01/2023 của Chính phủ về phát triển thị trường lao động linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, bền vững và hội nhập nhằm phục hồi nhanh và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Kết hợp với việc triển khai thực hiện đồng bộ ba Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) và

các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các huyện, thị xã và thành phố. Đặc biệt là người lao động đã chủ động trong việc đi tìm việc làm, chuyển đổi việc làm, tự tạo việc làm phù hợp với trình độ, năng lực của bản thân để tạo ra thu nhập.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Chất lượng nguồn nhân lực ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế, phần lớn là lao động phổ thông.

Số lao động làm việc tại địa phương ở khu vực nông thôn phần lớn vẫn làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, chăn nuôi; nhìn chung việc làm chưa bền vững, việc làm có thu nhập cao, việc làm ứng dụng khoa học, công nghệ còn hạn chế.

Số lao động tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp làm việc trái ngành, nghề được đào tạo còn nhiều.

Trong thời gian này Nhà nước có rất nhiều chính sách hỗ trợ cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, lao động dân tộc thiểu số đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, cụ thể: Tiểu dự án 3, thuộc dự án 5 trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025 theo Quyết định số 1917/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Tiểu dự án 2, thuộc dự án 4 trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Bên cạnh đó tỉnh còn có Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định các đối tượng chính sách khác được vay vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Tuy nhiên số người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng vẫn còn ít so với lực lượng lao động của tỉnh.

## 2. Nguồn lực tài nguyên thiên nhiên

#### a) Kết quả đạt được

- Vị trí địa lý: Tỉnh Đắk Lắk nằm trên địa bàn Tây Nguyên, trong khoảng tọa độ địa lý từ 107°28'57" - 108°59'37" độ kinh Đông và từ 12°9'45" - 13°25'06" độ vĩ Bắc; Phía Bắc giáp tỉnh Gia Lai; Phía Nam giáp tỉnh Lâm Đồng; Phía Đông giáp tỉnh Phú Yên và tỉnh Khánh Hòa; Phía Tây giáp Vương quốc Cam Pu Chia và tỉnh Đắk Nông. Tổng diện tích đất tự nhiên là 1.307.041 ha, trong đó: Đất nông nghiệp 1.192.561 ha; đất phi nông nghiệp 98.244 ha; đất chưa sử dụng 16.236 ha <sup>(1)</sup>. Với 15 đơn vị hành chính cấp huyện và 184 đơn vị hành chính cấp xã.

- Tài nguyên đất: tỉnh Đắk Lắk được chia thành 11 nhóm đất chính, cụ thể: Nhóm đất phù sa diện tích 14.708 ha, chiếm 1,1%; Nhóm đất Gley diện tích 29.350 ha, chiếm 2,2%; Nhóm đất đen (Luvisols) diện tích là 38.694 ha, chiếm 3%; Nhóm đất xám (Acrisols) diện tích 579.309 ha, chiếm 44,1%; Nhóm đất đỏ (Ferralsols) diện tích 311.340 ha, chiếm 23,7%; Nhóm đất nâu (Lixisols) diện tích 146.055 ha chiếm 11,1%; Nhóm đất nâu thẫm (Phaeozems) diện tích 22.343 ha

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 2432/QĐ-UBND ngày 16/11/2013 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả kiểm kê diện tích đất đai năm 2022 của tỉnh Đắk Lắk

chiếm 1,70%; Nhóm đất có tầng sét chặt, cơ giới phân dị (Planols) diện tích 32.980 ha chiếm 2,51%; Nhóm đất mới biến đổi (Cambisols) diện tích 23.498ha, chiếm 1,7%; Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá (Leptosols) Diện tích 79.132 ha, chiếm 6,03%; Nhóm đất nứt nẻ (Vertisols) Diện tích 3.794 ha, chiếm 0,3% tổng diện tích tự nhiên.

Thực hiện quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, cấp huyện; kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện của tỉnh Đắk Lắk được lập, phê duyệt theo đúng trình tự, thẩm quyền, quy định của pháp luật. Theo đó, Quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất các cấp được duyệt cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, phục vụ có hiệu quả nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của địa phương.

- Tài nguyên nước:

Nước mặt: hàng năm tổng lượng nước đến toàn lãnh thổ tỉnh Đắk Lắk trên các lưu vực chính như Srêpok 9 tỷ m<sup>3</sup>, Ea H'Leo 1,98 tỷ m<sup>3</sup>, sông Ba ở phía Đông khoảng 3,25 tỷ m<sup>3</sup>. Tài nguyên nước mặt lớn, nhưng do phân bố không đều có một mùa mưa kéo dài dễ gây úng lụt và một mùa khô khắc nghiệt, thiếu nước nghiêm trọng, công tác thủy lợi có ý nghĩa quyết định đối với phát triển kinh tế xã hội như thủy điện, sản xuất và đời sống. Hiện nay trên địa bàn có 441 hồ chứa; 63 đập dâng.

Nước ngầm: Do nguồn nước mưa cung cấp hàng năm tương đối lớn, cùng với khả năng thấm và giữ nước của một số thành tạo địa chất nên đã làm cho nguồn nước ngầm ở Đắk Lắk có vị trí quan trọng trong cân cân nước nói chung, hiện Đắk Lắk có khoảng 31.131 triệu m<sup>3</sup>. Tài nguyên nước của vùng Đắk Lắk mất cân đối nghiêm trọng, về mùa khô các hồ tự nhiên, nhân tạo, các khu chứa nước rộng lớn tạo ra sự bốc hơi mất nước. Lượng nước sử dụng (chủ yếu cho nông nghiệp) không được hoàn lại và bị mất một khối lượng lớn ước tính trên 20% lượng nước dùng trong mùa khô, ở những nơi mất rừng các con suối khô cạn, mức nước ngầm tụt sâu, các giếng đào, giếng khoan đều phải đào và khoan sâu thêm mới có nước.

UBND tỉnh phê duyệt danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 1283/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk gồm: 38 hồ, sông, suối tự nhiên; 17 hồ thủy điện; 602 hồ thủy lợi, trong đó danh mục các nguồn nước phải cấm mốc (gồm: 11 đoạn sông, suối; 12 hồ chứa thủy điện và 43 hồ thủy lợi). Hiện nay, tỉnh đang bố trí ngân sách thực hiện việc cấm mốc đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

- Tài nguyên khoáng sản: Đắk Lắk có các loại khoáng sản chủ yếu: Fenspat; đá vật liệu xây dựng cao cấp (đá ốp lát) là đá Granit, đá Bazan và các loại đá khác đã được khai thác để xây dựng phục vụ cho xây dựng cầu đường, công trình dân dụng, công nghiệp; than bùn phân bổ rải rác trên địa bàn một số huyện, trữ lượng không lớn được khai thác làm phân bón; Sét gạch ngói khá phong phú trên địa bàn các huyện Krông Ana, Krông Pắc, Ea Kar, M'Đrăc, Ea H'Leo.... được khai thác nhiều năm đang để sản xuất gạch ngói. Ngoài ra còn có các loại khoáng sản khác như vàng, chì, kẽm...

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 71 giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực, trong đó: đá làm vật liệu xây dựng thông thường có 48 Giấy phép với tổng trữ lượng 47,97 triệu m<sup>3</sup>, công suất khai thác 2,75 triệu m<sup>3</sup>; cát xây dựng có 21 Giấy phép với tổng trữ lượng 7,62 triệu m<sup>3</sup>, công suất 586.000 m<sup>3</sup>; sét sản xuất gạch ngói có 2 Giấy phép với trữ lượng 1,78 triệu m<sup>3</sup>, công suất 54.000 m<sup>3</sup>. Các mỏ được cấp phép khai thác đều có quy mô vừa và nhỏ, sản phẩm chủ yếu phục vụ cho nhu cầu xây dựng tại địa phương. Nhìn chung, sản lượng khai thác của các đơn vị đạt khoảng 70%-90% công suất được phép khai thác hàng năm.

- Khí hậu thời tiết: Do đặc điểm vị trí địa lý, địa hình nên khí hậu ở Đắk Lắk vừa chịu sự chi phối của khí hậu nhiệt đới gió mùa, vừa mang tính chất của khí hậu cao nguyên mát dịu. Nhìn chung thời tiết chia làm 2 mùa khá rõ rệt, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 kèm theo gió Tây Nam thịnh hành, các tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 7,8,9, lượng mưa chiếm 80-90% lượng mưa năm. Riêng vùng phía Đông do chịu ảnh hưởng của Đông Trường Sơn nên mùa mưa kéo dài hơn tới tháng 11. Mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, trong mùa này độ ẩm giảm, gió Đông Bắc thổi mạnh, bốc hơi lớn, gây khô hạn nghiêm trọng.

Ngày 07/11/2023, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2329/QĐ-UBND về việc kiện toàn Ban chỉ đạo công tác ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Đắk Lắk. Ban chỉ đạo gồm có 01 Trưởng Ban, 03 Phó Trưởng Ban và 29 Thành viên. Xây dựng và triển khai 25 trạm đo mưa tự động tự báo; dịch vụ tin nhắn cảnh báo thiên tai gồm 841 thuê bao điện thoại cá nhân làm công tác phòng chống thiên tai từ cấp tỉnh đến cấp xã, xây dựng vận hành trang thông tin điện tử; xây dựng hệ thống mốc báo lũ...

- Thủy văn: Hệ thống sông suối trên địa bàn tỉnh khá phong phú, phân bố tương đối đồng đều, nhưng do địa hình dốc nên khả năng giữ nước kém, những khe suối nhỏ hầu như không có nước trong mùa khô nên mực nước các sông suối lớn thường xuống rất thấp. Trên địa bàn có hai hệ thống sông chính chảy qua là hệ thống sông Srêpok và sông Ba. Hệ thống sông Srêpok có diện tích lưu vực chiếm tới 2/3 diện tích lãnh thổ bao gồm lưu vực dòng chính Srêpok và tiểu lưu vực Ea H'Leo; hệ thống sông Ba không chảy qua Đắk Lắk nhưng ở phía Đông và Đông Bắc của tỉnh có 2 nhánh thuộc thượng nguồn sông Ba là sông Krông H'Năng và sông Hinh.

- Tài nguyên rừng: Tỷ lệ che phủ rừng (tính cả cây cao su) năm 2023 ước đạt 38,03% (KH: 39,24%). Thời gian qua, công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp, ngành quan tâm, chỉ đạo quyết liệt. Các cấp, các ngành có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ hơn trong công tác quản lý, bảo vệ rừng từ huyện đến xã; ý thức bảo vệ rừng trong nhân dân ngày càng được nâng cao. Qua đó công tác bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn các huyện đã có những chuyển biến tích cực.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

- Về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: Về sự bất cập, thiếu đồng bộ giữa quy định pháp luật về đất đai và các quy định pháp luật chuyên ngành về lập quy hoạch, cụ thể:

(1) Tiêu chí phân loại đất, thời kỳ lập quy hoạch khác nhau của hai hệ thống quy hoạch: quy hoạch sử dụng đất và quy hoạch xây dựng còn khác nhau, dẫn đến tình trạng quy hoạch thiếu thống nhất, đồng bộ;

(2) Quy hoạch các ngành không định hướng rõ ràng về nhu cầu sử dụng đất, về khu vực địa điểm phát triển ngành và quy hoạch thường xuyên thay đổi nên rất khó cân đối bố trí quỹ đất trong quy hoạch sử dụng đất để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và có phương án để giữ quỹ đất cho mục tiêu phát triển các ngành.

(3) Về quản lý, thực hiện quy hoạch: Đối với quy hoạch sử dụng đất thì cơ chế giám sát và kiểm tra, tổ chức thực hiện được quy định thống nhất chung cho các cấp, quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật. Quy hoạch xây dựng, cơ chế giám sát và kiểm tra, tổ chức thực hiện chủ yếu được người phê duyệt quy định cụ thể cho từng đồ án quy hoạch mà chưa được quy định chung trong văn bản quy phạm pháp luật.

(4) Hiện nay pháp luật chưa quy định rõ quy hoạch nào là quy hoạch gốc, căn bản quy hoạch nào là quy hoạch phải điều chỉnh theo quy hoạch căn bản, làm cơ sở nếu cùng một cấp phê duyệt; trường hợp khu đất đã phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và QHSD đất được phê duyệt sau quy hoạch ngành lĩnh vực thì có được triển khai dự án hay không, dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục giao đất thực hiện dự án.

(5) Bản đồ quy hoạch sử dụng đất: Theo Luật Đất đai, bản đồ quy hoạch sử dụng đất là bản đồ được lập tại thời điểm đầu kỳ quy hoạch, thể hiện sự phân bổ các loại đất tại thời điểm cuối kỳ của quy hoạch; được thể hiện trên nền bản đồ địa chính là bản đồ thể hiện các thửa đất và yếu tố địa lý có liên quan, lập theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận. Trong khi đó, Luật Quy hoạch đô thị quy định việc sử dụng bản đồ cho công tác quy hoạch là bản đồ đo đạc địa hình, dẫn đến việc không gắn kết được các giải pháp quy hoạch sử dụng đất và không gian đô thị với thực trạng sử dụng đất gắn với tính sở hữu và quyền sử dụng thực tế của từng lô, thửa đất hiện trạng cũng như dự kiến trong tương lai.

Quy định về việc phải ban hành Kế hoạch sử dụng đất cấp huyện trước 31/12 tạo áp lực lớn đến cơ quan lập, phê duyệt Kế hoạch, dẫn đến chất lượng Kế hoạch sử dụng đất chưa cao (Theo quy định hiện hành, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện phải được phê duyệt trước ngày 31/12 hàng năm. Qua thực tế, để phê duyệt kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện thì phải có Nghị quyết của HĐND tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Thường HĐND tỉnh họp thông qua Nghị quyết nêu trên khoảng giữa Tháng 12 hàng năm, do đó, Hội đồng thẩm định không kịp thời gian để tổ chức thẩm định, chỉnh sửa, hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất trình UBND tỉnh phê duyệt trước 31/12).

- **Về giao đất, cho thuê đất:** Vướng mắc trong áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Đất đai 2013: Hiện nay, quỹ đất thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh rất lớn, trong đó có nhiều diện tích đất nông nghiệp và chưa được giải phóng mặt bằng. Tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Đất đai quy định: *b) Đất đã thu*

*hỏi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này thì giao cho tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất.*

Theo đó, điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Đất đai không quy định việc bố trí sử dụng đất (*hình thức giao đất, cho thuê đất*) theo loại hình dự án, theo phân loại đất (như Điều 118 Luật Đất đai, pháp luật về đầu tư, nhà ở, xã hội hóa...), mà chỉ quy định đất đã thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật này thì giao cho tổ chức dịch vụ công về đất đai để quản lý, đấu giá quyền sử dụng đất; được hiểu là quỹ đất này phải tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất. Vì vậy, việc áp dụng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 68 Luật Đất đai hiện nay có sự bất cập, mâu thuẫn với quy định tại khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai 2013, khoản 12 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP và các pháp luật khác có liên quan (đấu thầu, nhà ở, đầu tư, xã hội hóa...) khi thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất trên diện tích đất có nguồn gốc thu hồi theo khoản 1 Điều 64 và các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 của Luật Đất đai.

- Hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu còn thiếu đồng bộ, chưa đạt kết quả như yêu cầu của thực tiễn. Công tác phòng chống và giảm nhẹ thiên tai vẫn chủ yếu tập trung vào ứng phó và khắc phục hậu quả mà chưa chú trọng đúng mức đến chủ động phòng ngừa. Chưa thu hút được các nhà đầu tư áp dụng khoa học công nghệ trong xử lý, tái sử dụng rác thải sinh hoạt nhằm bảo vệ môi trường và hệ sinh thái.

- Sự phối hợp trong quản lý khai thác khoáng sản chưa chặt chẽ nhất là cát sỏi lòng sông nơi giáp ranh giữa các địa phương. . Nhận thức của người dân và ý thức chấp hành pháp luật về tài nguyên nước chưa cao. Sự phối hợp giữa các, ngành, các địa phương chưa có sự đồng thuận cao. Công tác quản lý tài nguyên nước ở cấp cơ sở (cấp huyện, cấp xã) chưa được quan tâm đúng mức.

### **3. Nguồn lực cơ sở vật chất, hạ tầng kinh tế - xã hội**

#### **3.1. Hạ tầng giao thông**

##### **a) Kết quả đạt được:**

Công tác đầu tư kết cấu hạ tầng được Trung ương và địa phương tập trung đầu tư xây dựng. Đến nay, kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh đạt được những kết quả quan trọng, từng bước đồng bộ với nhiều dự án trọng điểm, góp phần tạo nên diện mạo các đô thị ngày càng đổi mới, khang trang, hiện đại và tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, nhất là phát triển hạ tầng giao thông kết nối các vùng, các khu vực, với các dự án quan trọng đã được phê duyệt như: Tuyến đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột; Dự án đường Hồ Chí Minh đoạn tránh Đông thành phố Buôn Ma Thuột, đường Trường Sơn Đông và Dự án Cải tạo nâng cấp Tỉnh lộ 1, Tỉnh lộ 2, Tỉnh lộ 3, Tỉnh lộ 9, Tỉnh lộ 12, Tỉnh lộ 13, Quốc lộ 29,... Do đó, chỉ tiêu nhựa hóa hoặc bê tông hóa các tuyến đường địa phương cũng tăng lên đáng kể (Đường tỉnh từ 96,01% năm 2022 lên 96,64%; đường huyện từ 93,42% năm 2022 lên 95,14%; đường xã từ 67,96% năm 2022 lên 69,96% vào cuối năm 2023).

Ngày 30/10/2023, UBND thành phố Buôn Ma Thuột đã tổ chức nghiệm thu công trình Tuyến đường Đông Tây, thành phố Buôn Ma Thuột và tổ chức thông

xe, đưa công trình vào sử dụng; đây là dự án trọng điểm của tỉnh Đắk Lắk, nhằm hoàn thiện hệ thống mạng lưới giao thông đô thị, đáp ứng nhu cầu giao thông cấp bách hiện nay, góp phần hình thành khu đô thị mới phía Đông Nam thành phố, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Bên cạnh đó, công tác quản lý, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa các quốc lộ, tỉnh lộ thuộc địa phương quản lý<sup>2</sup> được các đơn vị chức năng tập trung triển khai, cơ bản đảm bảo đúng tiến độ (Bảo trì hệ thống quốc lộ: đã giải ngân 85,59/103,06 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 83%; Bảo trì hệ thống đường tỉnh tỉnh: Đã giải ngân 39,67/90,39 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 44%).

- Tỉnh hiện có Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột. Hiện nay, Cảng Hàng không Buôn Ma Thuột đang khai thác các đường bay từ Buôn Ma Thuột đến TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Nghệ An và Hải Phòng...

- Với đặc thù địa hình vùng Tây Nguyên nói chung và tỉnh Đắk Lắk nói riêng về lĩnh vực giao thông đường thủy chưa được phát triển mạnh. Hệ thống sông của tỉnh dài 544 km, có khoảng 100 km có thể tổ chức vận tải đường thủy nhưng chủ yếu là phục vụ du lịch và khai thác cát xây dựng.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Hệ thống đường bộ địa phương chưa được đầu tư đồng bộ, quy mô còn thấp, hiện đang bị xuống cấp. Tỷ lệ nhựa hóa hoặc bê tông hóa đường huyện và đường xã còn thấp. Hệ thống đường huyện, đường giao thông nông thôn phát triển còn hạn chế về số lượng, chất lượng còn thấp. Còn nhiều cầu tạm, cầu yếu, cầu hẹp, một số điểm vượt sông suối chưa có cầu.

Nguồn vốn đầu tư phát triển hạ tầng giao thông chủ yếu dựa vào ngân sách nhà nước, trong khi tỉnh Đắk Lắk có địa bàn rộng, khối lượng hạ tầng cần đầu tư lớn, để phát triển hạ tầng này đòi hỏi phải đảm bảo nguồn lực khá lớn. Mặc dù tỉnh đã nỗ lực kêu gọi đầu tư từ các nguồn lực hợp pháp khác ngoài NSNN để đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, nhưng kết quả đạt được không đáng kể.

### 3.2. Hạ tầng thủy lợi

#### a) Kết quả đạt được:

Trong những năm qua được sự quan tâm đầu tư của Trung ương và tỉnh, đến nay trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk có tổng số 856 công trình thủy lợi gồm: 619 hồ chứa, 161 đập dâng và 76 trạm bơm và 02 hệ thống đê bao. Tổng chiều dài kênh mương 2.427,60 km, đã kiên cố hóa được 1.599,28 km kênh mương các loại đạt 65,88%...đã góp phần quan trọng nâng tỷ lệ bảo đảm tưới chủ động cho trên 83,88% diện tích cây trồng có nhu cầu tưới năm 2023. Diện tích cây trồng được tưới trực tiếp từ công trình thủy lợi 151.616 ha. Diện tích tưới do tạo nguồn hỗ trợ và các hình thức công trình khác khai thác nước tưới từ các nguồn nước mặt sông suối, ao và nước ngầm tưới cho khoảng 114.883 ha.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

- Nhiều hồ chứa nhỏ và có lưu vực nhỏ do đó về mùa khô lượng nước đến

<sup>2</sup> Sở Giao thông vận tải được Cục Đường bộ Việt Nam và UBND tỉnh tiếp tục giao quản lý, sửa chữa và bảo trì 03 tuyến quốc lộ (Quốc lộ 27; Quốc lộ 29 và Quốc lộ 14C) và các tuyến tỉnh lộ, đường Trunk tra biên giới.

gần như bằng không do mật độ cây rừng che phủ bị thu hẹp, một mặt do lượng nước ngầm ngày càng giảm, một nguyên nhân khác là công trình được đầu tư đã lâu nên bị bồi lắng làm giảm dung tích trữ nước của hồ chứa làm ảnh hưởng rất lớn đến năng lực tưới của công trình.

- Một số công trình xây dựng trên cùng một dòng suối (bậc thang) tuy nhiên do thiếu vốn hoặc chỉ để tưới cây công nghiệp, do đó không thiết kế cống xả đáy vì vậy về mùa khô không điều tiết nước về hạ lưu dẫn đến diện tích tưới của công trình hạ lưu bị thiếu nước tưới.

- Công trình là đập dâng: Rất nhiều đập dâng do trước đây hầu hết được xây dựng bằng đá xây, sau một thời gian sử dụng đã bị xuống cấp, hiện tượng thấm và rò rỉ nước ở hai bên tường và đáy xảy ra khá phổ biến nên lượng nước bị thất thoát cũng ảnh hưởng một phần đến năng lực tưới của công trình.

- Công trình là trạm bơm: Phần lớn các trạm bơm được xây dựng từ thập niên 90 của thế kỷ trước, do đó hầu hết thiết bị lạc hậu, nhiều hạng mục bị hư hỏng xuống cấp, đặc biệt là tổn thất điện năng khá lớn và không đảm bảo công suất thiết kế dẫn đến hiệu quả tưới không cao (cá biệt có trạm bơm tiêu thụ điện vượt định mức 300%), nhiều trạm bơm chi phí tiền điện bằng với tiền hỗ trợ sử dụng dịch vụ công ích thủy lợi, gây không ít khó khăn cho đơn vị khai thác. Nguồn nước tại các sông suối thường suy giảm mạnh vào mùa khô. Chính vì vậy, một số máy bơm không đáp ứng được các thông số kỹ thuật theo yêu cầu cần phải được dần thay thế.

### **3.3. Hạ tầng cung cấp điện**

#### **a) Kết quả đạt được:**

Trong những năm qua, được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ, các Bộ ngành và đặc biệt là ngành điện về công tác đầu tư phát triển nguồn và lưới điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; hệ thống lưới điện bao gồm đường dây và các trạm biến áp 110 -35-22/0,4kV đã được xây dựng, hoàn thiện, đưa vào vận hành và cung cấp điện liên tục, ổn định với chất lượng điện năng đảm bảo. Góp phần quan trọng vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh. Hiện trạng hệ thống hạ tầng truyền tải 500kV, 220kV, 110kV, 35kV, 22kV trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: Tổng số km đường dây 500kV là 358,405 km; đường dây 220kV là 278,221 km; Tổng số km đường dây đường dây 110kV là 483,15km; đường dây 35kV,22kV là 4.889,68 Km; đường dây 0,4kV là 6179,19 Km.

Trong năm 2023, ngành công nghiệp sản xuất điện là điểm sáng trong phát triển ngành công nghiệp của tỉnh.

- Dự án thủy điện: Trên địa bàn tỉnh, hiện có 20 dự án thủy điện đang hoạt động với tổng công suất 833 MW. Dự án nhà máy thủy điện Ea Tih, công suất 8,6MW, đã cấp chủ trương đầu tư, hiện đang triển khai các thủ tục xây dựng.

- Dự án điện gió: 02 dự án điện gió công suất 428,8 MW đã đưa vào vận hành phát điện thương mại.

- Dự án điện mặt trời: Có 10 dự án với công suất 1.024 MWp đã đưa vào vận hành phát điện thương mại, góp phần tăng thêm công suất cho lưới điện quốc

gia.

- Dự án điện mặt trời mái nhà: trên địa bàn tỉnh có 5.379 công trình điện mặt trời mái nhà đã phát điện thương mại với tổng công suất 650,17 MWp.

Ngoài các dự án đã đưa vào vận hành, phát điện thương mại trong thời gian vừa qua còn có Cụm dự án Nhà máy điện gió Krông Búk 1, Krông Búk 2, Cư Né 1 và Cư Né 2, với tổng công suất 200MW, tổng mức đầu tư trên 7.800 tỷ đồng, khởi công năm 2021, dự kiến hoàn thành và đưa vào vận hành trong năm 2023.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Nhu cầu cần rất nhiều nguồn lực để đầu tư xây dựng và hoàn thiện cho hệ thống lưới điện truyền tải và phân phối nhưng khả năng cân đối bố trí vốn để đầu tư xây dựng thì hạn hẹp và khó khăn. Một số dự án được bố trí vốn để đầu tư xây dựng thì gặp khó khăn trong công tác đền bù giải phóng mặt bằng làm ảnh hưởng tới tiến độ của dự án.

### 3.4. Hạ tầng cung cấp nước sạch

#### a) Kết quả đạt được:

Thực hiện Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của UBND tỉnh Kế hoạch phát triển cấp nước sạch đô thị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025. Đến nay, các dự án cấp nước đô thị trọng điểm cơ bản hoàn thành, đang trong giai đoạn vận hành. Số lượng nhà máy: 10 nhà máy; Tổng công suất thiết kế: 137.400m<sup>3</sup>/ngày đêm; Tổng công suất khai thác: 64.082 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong năm 2023, triển khai xây dựng mạng lưới cấp nước sinh hoạt (*huyện Lắk*); hoàn thiện hệ thống hạ tầng cấp nước đô thị tại một số địa phương (*như: Buôn Ma Thuột lắp đặt 02 tuyến ống điều phối nguồn nước từ Đạt lý về Ea Pók; trục đường Nguyễn Tất Thành*) và mở rộng mạng lưới cấp nước sinh hoạt các huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (*như: Buôn Đôn, Krông Năng, Krông Ana, Krông Pắc, Ea Kar, Ea Súp, Cư M'gar*).

Đến nay, tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch đạt 91,5%, tăng 0,5% so với năm 2022. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 96,5%, tăng 0,5% so với năm 2022.

Thực hiện Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả, vay vốn Ngân hàng thế giới (Chương trình bắt đầu từ năm 2016), ước tính đến hết năm 2023 đã đầu nối cho 16.589 hộ, đây là một điều kiện thuận lợi để tỉnh tăng tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Đầu tư xây dựng Đắk Lắk đã thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần cấp nước nên công tác quản lý nhà nước về cấp nước đô thị cần có những điều chỉnh nhất định trong phối hợp giữa hoạt động tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Cam kết cấp nước giữa đơn vị bán buôn bán lẻ trước khi cổ phần hóa không được thực thi đầy đủ, việc độc quyền trong dịch vụ cấp nước đô thị ảnh hưởng đến sản xuất của các nhà đầu tư về cấp nước.

Công tác quản lý nhà nước trong xử lý những vấn đề quan hệ sản xuất kinh doanh giữa các doanh nghiệp còn khó khăn.

### 3.5. Hạ tầng thông tin truyền thông

#### a) Kết quả đạt được:

UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Lắk, phiên bản 2.0 và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông, các đơn vị trong tỉnh căn cứ làm cơ sở tham chiếu trong triển khai thực hiện chuyển đổi số; xây dựng phát triển chính quyền điện tử gắn với cải cách hành chính hướng tới xây dựng chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh.

- **Mạng Truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) của các cơ quan Đảng, Nhà nước:** Mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh được mở rộng với 235 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp từ Trung ương đến tỉnh và đến tất cả các sở, ngành, 15 UBND huyện, thị xã, thành phố; 184 UBND xã, phường, thị trấn.

- **Xây dựng hạ tầng chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030:** Thực hiện đầu tư Hạ tầng CNTT và các Ứng dụng phục vụ chuyển đổi số, triển khai đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, tập trung vào 4 nhiệm vụ chính như sau: (i) Xây dựng cơ sở hạ tầng, phần mềm nền tảng ĐTTM tỉnh Đắk Lắk (SCP) đạt tiêu chuẩn theo Công văn số 4176/BTTTT-THH của Bộ Thông tin và Truyền thông; (ii) Nâng cấp Trung tâm điều hành ĐTTM (IOC) đạt tiêu chuẩn theo Công văn 328/THH-DVCNTT của Cục Tin học hóa; (iii) Xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu LGSP, các hệ thống cơ sở dữ liệu nền và hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu tập trung (Data Warehouse); (iv) Xây dựng hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC).

Bốn hạng mục tập trung và kết nối với nhau mang tính thống nhất như trên được thiết kế nhằm đảm bảo dịch vụ hạ tầng và dịch vụ an toàn bảo mật 08 lĩnh vực đô thị thông minh như sau: (i) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho xây dựng tiện ích, dịch vụ ĐTTM trong lĩnh vực Quản lý quy hoạch đô thị; (ii) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ trong lĩnh vực an ninh, an toàn; (iii) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Tài nguyên môi trường thông minh; (iv) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ du lịch thông minh; (v) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ giáo dục thông minh; (vi) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Y tế thông minh; (vii) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho ứng dụng phục vụ Giao thông thông minh; (viii) Đảm bảo hạ tầng và an toàn bảo mật cho xây dựng hệ thống nông nghiệp thông minh tỉnh Đắk Lắk.

- **Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu:** Trục liên thông văn bản tỉnh Đắk Lắk hoạt động ổn định, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng LGSP tỉnh Đắk Lắk đã được xây dựng và chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2020. Hệ thống hiện hoạt động ổn định và kết nối với nhiều hệ

thống CSDL của Trung ương.

- **Xây dựng, phát triển cơ sở dữ liệu:** Hoàn thành việc xây dựng các phần mềm phục vụ việc tạo lập, cập nhật các cơ sở dữ liệu, như: Cơ sở dữ liệu kinh tế - xã hội tích hợp trong Hệ thống báo cáo của tỉnh; Cơ sở dữ liệu quản lý cán bộ công chức; Cơ sở dữ liệu quản lý giống cây trồng; Cơ sở báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông; cơ sở dữ liệu trong lĩnh vực văn hóa, thông tin; cơ sở dữ liệu thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giáo dục của tỉnh,... Kho dữ liệu điện tử cá nhân của công dân đang được hoàn thiện, giúp công dân chủ động quản lý, lưu trữ dữ liệu điện tử của cá nhân trên Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đảm bảo phục vụ hiệu quả nhu cầu giao dịch trực tuyến của người dân, doanh nghiệp với các cơ quan nhà nước.

- Hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng của tỉnh (SOC) vận hành 05 giải pháp và được kết nối với Trung tâm giám sát an toàn thông tin mạng quốc gia, đảm bảo an toàn thông tin, dữ liệu và các hệ thống thông tin trong quá trình vận hành, kết nối, trao đổi.

- Các doanh nghiệp viễn thông triển khai đường Internet cáp quang đến 100% các hộ gia đình. Năm 2023, toàn tỉnh có 315.492 hộ gia đình có kết nối Internet băng rộng cáp quang; 100% các xã được phủ sóng di động; Tổng thuê bao điện thoại di động, cố định ước đạt trên 2 triệu thuê bao; thuê bao Internet (cáp quang, di động 3G, 4G) ước đạt 1.2 triệu thuê bao; độ phủ sóng di động trên dân số là: 100%, số lượng người dân trưởng thành có điện thoại thông minh là hơn 1.4 triệu thuê bao; số lượng hộ gia đình có người có điện thoại thông minh là khoảng 400.492; số lượng dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân là 41.300.

- **Về bưu chính, viễn thông :** Đến nay trên địa bàn tỉnh có 14 doanh nghiệp, chi nhánh bưu chính chuyển phát đang hoạt động. Doanh thu năm 2023 dự kiến đạt 495 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2022.

Về mạng đường thư của Bưu điện tỉnh Đắk Lắk có 189 tuyến đường thư, trong đó gồm 11 tuyến cấp I, 8 tuyến cấp II và 170 tuyến cấp III; các doanh nghiệp khác không phân tuyến đường thư, tuyến phát.

Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện nay có 317 đơn vị, cá nhân sử dụng tần số vô tuyến điện, gồm: 05 Doanh nghiệp viễn thông, 03 Doanh nghiệp cung cấp đường truyền, 02 Trung tâm tiếp phát lại PT-TH Trung ương, 01 Đài Phát thanh và Truyền hình cấp tỉnh, 15 Đài Truyền thanh Truyền hình cấp huyện, 178 Trạm truyền thanh cơ sở và 110 đơn vị thuộc nghiệp vụ mạng dùng riêng khác như dịch vụ: Taxi, điều khiển bay, siêu thị, du lịch, Nhà hàng-Khách sạn, trường học, công trường xây dựng,...với tổng số thiết bị phát sóng vô tuyến điện khoảng 3.300 thiết bị. Ngoài ra còn có khoảng 1700 trạm phát sóng thông tin di động BTS của 5 đơn vị cung cấp dịch vụ thông tin di động (đã được cấp giấy phép sử dụng băng tần).

b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Chi phí đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông, Phát thanh truyền hình còn thấp. Đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

### 3.6. Hạ tầng giáo dục

a) Kết quả đạt được:

- Về đội ngũ giáo viên trên địa bàn tỉnh: Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), GV (GV), nhân viên (NV) hiện đang làm việc trong toàn ngành là 34.873 người<sup>3</sup>.
- Về trường, lớp: Năm học 2023-2024, toàn tỉnh có 1.009 trường học từ mầm non đến THPT; trong đó, có 329 trường mầm non, 372 trường tiểu học, 241 trường THCS, 60 trường THPT với 15.578 lớp, nhóm lớp. Với 484.185 học sinh từ mầm non đến THPT (trong đó học sinh dân tộc thiểu số (DTTS) chiếm tỷ lệ khoảng 34 %).
- Về cơ sở hạ tầng: Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, kiên cố hóa trường lớp học đã được tỉnh quan tâm đầu tư xây mới, sửa chữa phòng học, phòng bộ môn, phòng thí nghiệm, thực hành, nhà công vụ cho giáo viên, nhà vệ sinh... và mua sắm thiết bị dạy học đáp ứng cơ bản việc dạy và học của ngành. Nhìn chung, cơ sở vật chất, trang thiết bị cơ bản đáp ứng nhu cầu dạy và học tối thiểu để thực hiện chương trình GDPT 2018. Tỷ lệ phòng học kiên cố hóa đạt 72,2%. Toàn tỉnh có 95% trường học có thư viện, 76% trường có phòng thiết bị giáo dục, 21% trường có phòng tư vấn học đường và 35% trường có phòng truyền thống. Toàn tỉnh có trên 75% trường có phòng y tế học đường, 100% trường có khu vệ sinh, công tường rào.
- Về giáo dục nghề nghiệp (GDNN): Trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk hiện có 19 cơ sở giáo dục nghề nghiệp (05 trường cao đẳng, 04 trường trung cấp, 10 trung tâm giáo dục nghề nghiệp) và 17 cơ sở khác có tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp (15 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện, thị xã, tp và 02 doanh nghiệp) đã tổ chức tuyển sinh và đào tạo năm 2023 ước vượt 0,83% so với kế hoạch năm. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 63%, trong đó lao động có bằng cấp chứng chỉ đạt 21,57%, đạt kế hoạch đề ra.

b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Một số trường tiểu học ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn công, tường rào còn tạm bợ, chưa đáp ứng yêu cầu; công trình vệ sinh, nước sạch ở bậc trung học cơ sở, trung học phổ thông cơ bản đáp ứng được yêu cầu sử dụng và đảm bảo điều kiện vệ sinh nhưng ở bậc tiểu học hiện còn trên 30% số trường có nhà vệ sinh không đảm bảo điều kiện vệ sinh và không đảm bảo nguồn nước sinh hoạt.

Hệ thống sân thể thao của các trường ở các cấp học có nơi chưa đáp ứng nhu cầu phục vụ giảng dạy và phát triển thể thao học đường theo chương trình và chủ trương của ngành giáo dục.

### 3.7. Hạ tầng y tế

Ngành y tế chỉ đạo các cơ sở y tế trên địa bàn tiếp tục nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; tăng cường đầu tư trang thiết bị; củng cố nhân lực, bố trí cán bộ phù hợp với trình độ chuyên môn và thực hiện các giải pháp khắc phục tình trạng thiếu thuốc, thiết bị, vật tư y tế tại các cơ sở y tế. Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 11

---

<sup>3</sup> Trong đó, ở bậc phổ thông có 25.820 người (Tiểu học: 12.720 người, THCS: 9.132 người, THPT: 3.968 người). Tổng số biên chế toàn ngành được giao cho các đơn vị sự nghiệp công lập năm học 2022-2023: 31.573, trong đó, biên chế sự nghiệp giáo dục: 30.923 người (Mầm non: 5.908, Tiểu học: 12.265, THCS: 8.591, GDTX: 329, đơn vị trực thuộc sở GDĐT: 3.957); biên chế sự nghiệp khác là 614 người.

cơ sở y tế tuyến tỉnh<sup>4</sup> phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh cho người dân. Năm 2023, các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn đã khám 2,89 triệu lượt, điều trị nội trú trên 305.600 lượt, điều trị ngoại trú trên 49.800 lượt. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi) giảm còn 17,8%; số giường bệnh/vạn dân đạt 28,5 giường/vạn dân; số bác sỹ/vạn dân đạt 7,5 bác sỹ/vạn dân. Tỷ lệ bao phủ BHYT ước đạt 92,5%. Bên cạnh đó, các hoạt động y tế dự phòng được tập trung triển khai thực hiện, cơ bản kiểm soát tốt các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn, đặc biệt là phòng chống dịch COVID-19.

### **3.8. Hạ tầng khoa học & công nghệ (KH&CN)**

#### **a) Kết quả đạt được:**

Công tác quản lý hoạt động nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các nhiệm vụ khoa học - công nghệ được triển khai tích cực, từng bước tạo được sự lan tỏa của ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, trong đó chú trọng công tác hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, xây dựng thương hiệu, áp dụng các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; ngành khoa học và công nghệ tích cực phối hợp hỗ trợ doanh nghiệp trong việc duy trì hoạt động sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hỗ trợ tra cứu thông tin, hoàn thiện sáng chế; tư vấn thủ tục đăng ký bảo hộ sáng chế; hỗ trợ hoạt động đổi mới và ứng dụng công nghệ. Tiếp tục triển khai hiệu quả Chương trình thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 13/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; theo dõi, hướng dẫn và phối hợp quản lý 02 đề tài/dự án cấp quốc gia, 25 nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh; các nhiệm vụ đang triển khai cơ bản đảm bảo theo đúng nội dung Thuyết minh đã phê duyệt.

Trên địa bàn tỉnh có 24 tổ chức KH&CN đăng ký hoạt động, có 09 doanh nghiệp KH&CN. Các tổ chức khoa học và công nghệ đã có những đóng góp tích cực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, thông tin truyền thông khoa học và công nghệ, dịch vụ khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường...

Sở Khoa học và Công nghệ đã sáp nhập Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN và Trung tâm Ứng dụng Tiên bộ KH&CN thành Trung tâm Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ theo đề án của UBND tỉnh. Đồng thời phê duyệt phương án tự chủ đối với 02 đơn vị sự nghiệp khoa học và công nghệ công lập, gồm: Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tự chủ 100% chi thường xuyên; Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ đảm bảo tự chủ một phần chi thường xuyên.

\* Về kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ: UBND tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ từ cấp tỉnh đến cơ sở, trong đó chú trọng đầu tư, xây dựng và nâng cấp các phòng thí nghiệm với trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nghiên cứu, triển khai ứng dụng các kết quả đã được khẳng định trong và ngoài khu vực, giúp các cán bộ, chuyên gia trong ngành nghiên cứu, thử

---

<sup>4</sup> 01 Bệnh viện đa khoa tuyến tỉnh; 03 Bệnh viện chuyên khoa; 01 Bệnh viện y học cổ truyền; 06 Trung tâm y tế tuyến tỉnh.

nghiệm và ứng dụng các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ sinh học...đầu tư xây dựng một số trạm trại thực nghiệm, cụ thể:

- + Dự án xây dựng Trại Thực nghiệm KH&CN tỉnh Đắk Lắk (giai đoạn 1) và Dự án xây dựng Trại thực nghiệm KH&CN huyện Cư M'gar. Đây là cơ sở hạ tầng KH&CN quan trọng, giúp cho Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH&CN của tỉnh tăng cường năng lực nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, đồng thời cán bộ quản lý, nghiên cứu viên, kỹ thuật viên được đào tạo, tập huấn, làm chủ một số công nghệ tiên tiến.

- + Dự án “Dự án Nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Đắk Lắk”, một số trang thiết bị, máy móc tương đối đồng bộ được đầu tư và việc thành lập Phòng thử nghiệm đạt tiêu chuẩn 17025 từng bước nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

- + Các gói mua sắm trang thiết bị, máy móc để nâng cao năng lực hoạt động của Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ được triển khai thường xuyên hơn. Với sự đầu tư trên, Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng đủ năng lực kiểm định tối thiểu 60% phương tiện đo thuộc Danh mục kiểm định trên địa bàn tỉnh; trên 80% cán bộ quản lý, kỹ thuật viên có trình độ đại học trở lên; 100% cán bộ quản lý, kỹ thuật viên được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực có liên quan, góp phần nâng cao khả năng kiểm định ở địa phương; Trại thực nghiệm đảm bảo đủ điều kiện đưa vào hoạt động với trang thiết bị, máy móc mới.

- + Đến nay trên địa bàn tỉnh đã xây dựng và duy trì hoạt động 103 Điểm thông tin KH&CN, với hàng ngàn cơ sở dữ liệu, tiến bộ kỹ thuật, nhất là về cây trồng, vật nuôi, chế biến sản phẩm nông, lâm, thủy sản đã kịp thời cung cấp thông tin KH&CN cho người dân.

- + Tập trung triển khai hoạt động hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Tổ chức tuyên truyền Ngày Đổi mới sáng tạo thế giới 21/4 và Ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26/4 năm 2023,...Với không gian làm việc chung về khởi nghiệp, Công ty cổ phần vườn ươm doanh nghiệp, Quỹ hỗ trợ doanh nghiệp, Quỹ phát triển KH&CN tỉnh được thành lập, góp phần thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong thời gian tới.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Phần lớn doanh nghiệp của tỉnh có quy mô vừa và nhỏ, ít đầu tư cho KH&CN nên trình độ công nghệ còn lạc hậu, chậm được đổi mới, dẫn đến hạn chế sức cạnh tranh của các doanh nghiệp và của nền kinh tế nói chung trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế. Trình độ công nghệ của một số ngành sản xuất còn thấp tốc độ đổi mới công nghệ của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đang còn chậm, một số chưa phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

Cơ chế, chính sách chưa đủ mạnh để thu hút nhân tài, phát huy năng lực nội sinh, khuyến khích các doanh nghiệp và người dân đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Nguồn kinh phí đầu tư cho hoạt động KH&CN chưa đa dạng, chủ yếu dựa vào ngân sách Nhà nước, chưa huy động được sự đóng góp từ các nguồn khác.

### **3.9. Hạ tầng du lịch, văn hóa, thể thao**

#### **a) Kết quả đạt được:**

Cơ sở vật chất ngành du lịch ngày càng tăng về số lượng và chất lượng, nhất là các cơ sở lưu trú du lịch. Năm 2023, trên địa bàn tỉnh có: 256 cơ sở lưu trú du lịch, trong đó, có 34 khách sạn được công nhận hạng từ 01 đến 5 sao, 68 khách sạn chưa xếp hạng, 133 nhà nghỉ, 7 nhà khách, 10 homestay, 01 bãi cắm trại, 3 căn hộ du lịch, tổng 5.357 buồng; 06 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, mua sắm đạt chuẩn phục vụ khách du lịch. Trên địa bàn tỉnh có 78 nhà tập luyện, thi đấu thể thao đa năng, 70 nhà tập luyện, thi đấu thể thao đơn môn, 126 bể bơi các loại, 90 sân vận động và 2.082 các loại sân bóng đá mini, sân bóng chuyên, sân cầu lông, đá cầu... đáp ứng nhu cầu học tập, luyện tập thể dục thể thao của người dân.

Đắk Lắk hiện nay, có 43 di tích được công nhận và xếp hạng, trong đó: 02 di tích quốc gia đặc biệt, 17 di tích quốc gia, 24 di tích cấp tỉnh; 53 di tích nằm trong Danh mục kiểm kê di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh, đây là những di sản quý giá, có giá trị tiềm năng, thế mạnh để đầu tư, khai thác, phát triển du lịch đặc thù, thu hút khách tham quan, tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng, người dân nơi có di tích, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

#### **b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân**

Do nguồn lực đầu tư còn nhiều khó khăn nên hạ tầng kết nối giao thông đến các điểm tham quan du lịch trên địa bàn tỉnh có nơi xuống cấp, hư hỏng dẫn đến đi lại khó khăn và mất nhiều thời gian vận chuyển. Chưa có nhiều sản phẩm du lịch hấp dẫn, đặc trưng.

### **3.10. Hạ tầng xử lý chất thải rắn (CTR), xử lý nước thải**

#### **a) Kết quả đạt được:**

##### **- Về xử lý chất thải rắn:**

Đến năm 2023, đã có 08 cơ sở xử lý CTR được tổ chức lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng làm cơ sở lập đề xuất chủ trương đầu tư theo quy định, với tổng diện tích 108,92 ha; Tổng năng lực thiết kế trên 685,00 tấn/ngày.

Thực hiện Kế hoạch đầu tư và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2025 (*ban hành kèm theo tại Quyết định số 2522/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 của UBND tỉnh*). Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 49 bãi xử lý chất thải sinh hoạt với tổng diện tích 107,32ha. Trong đó, 15 bãi xử lý chất thải sinh hoạt tại địa bàn 15 huyện, thị xã, thành phố do cấp huyện quản lý với diện tích 88,37 ha (*đạt 100% các đô thị và trung tâm huyện lỵ đều tổ chức dịch vụ vệ sinh đô thị*). Các bãi do cấp xã quản lý gồm 34 bãi với tổng diện tích 18,95ha. Đã xây dựng Hồ sơ đề xuất mời gọi đầu tư Nhà máy xử lý rác thải Hòa Phú (UBND tỉnh ban hành Bộ tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư).

Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý năm 2023 ước đạt 91,4%, tăng 0,4% so với năm 2022.

- Về xử lý nước thải: Thực hiện Kế hoạch phát triển thoát nước đô thị, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến 2025 (*Quyết định số 1982/QĐ-UBND ngày 20/8/2018*): Toàn tỉnh hiện có 01 Dự án thoát nước thải thành phố Buôn Ma Thuột được đầu tư từ nguồn vốn ODA. Tỷ lệ dân số đô thị Buôn Ma Thuột được hưởng dịch vụ thoát nước thải đến năm 2023 đạt khoảng  $\approx 26,3\%$  dân số nội thị.

Nhóm đô thị từ loại IV: gồm 6 đô thị (01 thị xã; 05 thị trấn); Nhóm đô thị loại V (gồm 09 đô thị): Chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa áp dụng xử lý chất thải sinh hoạt bằng các công nghệ tiên tiến như: Đốt rác phát điện, tái chế sử dụng hoặc sản xuất phân hữu cơ. Các cơ sở được đầu tư xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh (*như: Khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt Hòa Phú; Bãi chôn lấp và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung tại huyện Cư Kuin*) và các cơ sở xử lý chất thải sinh hoạt do cấp huyện quản lý chủ yếu là đổ tự do phun thuốc, đốt theo định kỳ, chưa có hệ thống xử lý nước rỉ rác. Nhìn chung hạn chế về công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt hiện nay trên địa bàn tỉnh còn lạc hậu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong quản lý chất thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh còn hạn chế.

### 3.11. Hạ tầng khu, cụm công nghiệp

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 01 khu công nghiệp và 9 cụm công nghiệp đang hoạt động:

- Tại Khu công nghiệp Hòa Phú: Từ đầu năm 2023 đến nay, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 12 dự án, với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 1.151 tỷ đồng, trong đó có 02 dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 1.044 tỷ đồng, tương đương khoảng 44,3 triệu USD (điều chỉnh dự án). Lũy kế đến nay, có 55 doanh nghiệp đăng ký đầu tư, trong đó có 44 doanh nghiệp đang hoạt động, giải quyết việc làm khoảng 2.400 lao động; Tổng doanh thu của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp năm 2023 ước đạt khoảng 6.532,5 tỷ đồng.

- Tại 9 cụm công nghiệp có 166 dự án đầu tư và đăng ký đầu tư, với tổng diện tích đất 266,2 ha, đất đã cho doanh nghiệp thuê là 225,5 ha, tỷ lệ lấp đầy 76% diện tích, với tổng số vốn đăng ký đầu tư ban đầu 6.000 tỷ đồng giảm so với đầu năm do một số dự án xin rút không đầu tư.

### 3.12. Tài sản công

#### a) Kết quả đạt được:

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản về quản lý, sử dụng tài sản công<sup>5</sup>. Việc ban hành các văn bản quy định về quản lý, sử dụng tài sản

<sup>5</sup> Quyết định số 05/2023/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của UBND tỉnh bổ sung một số nội dung tại Phụ lục tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng đối với các đơn vị sự nghiệp y tế ban hành kèm theo Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 của UBND tỉnh; Quyết định số 33/2023/QĐ-UBND ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 1579/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh nội dung của Phụ lục kèm theo Quyết định số

công từ Trung ương đến địa phương trong thời gian qua đã tác động tích cực đến việc quản lý, sử dụng tài sản công:

Đã thực hiện phân cấp rõ ràng nhiệm vụ quản lý tài sản công giữa các cấp, từng loại hình cơ quan, đơn vị; xác định rõ thẩm quyền trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong quản lý sử dụng tài sản công; đảm bảo việc sử dụng tài sản công minh bạch, hiệu quả; nắm được các quy định về trình tự, thủ tục trong công tác quản lý, sử dụng tài sản về đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm, thanh lý, điều chuyển... để thực hiện đúng trình tự thủ tục và đúng thẩm quyền theo phân cấp.

Công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị ngày càng tốt hơn, đi vào nề nếp, hiệu quả. Trách nhiệm và quyền hạn của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công được nâng cao, quy định phân cấp rõ ràng, cụ thể, hạn chế việc sử dụng lãng phí, kém hiệu quả.

Các đơn vị đã tự xây dựng quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo các quy định hiện hành, phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị và thực hiện công khai tài sản theo quy định. Quản lý, sử dụng tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị với 07 loại tài sản gồm: đất; nhà; vật kiến trúc; xe ô tô; máy móc, thiết bị; tài sản cố định hữu hình khác và tài sản cố định vô hình<sup>6</sup>.

UBND tỉnh đã ban hành các quyết định về việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung năm 2023 cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh với tổng dự toán là 155.296,5 triệu đồng. Sở Tài chính đã thẩm định và có ý kiến về giá đối với tài sản mua sắm tập trung năm 2023 là 148.757,7 triệu đồng, giảm 6.538,8 triệu đồng; UBND tỉnh ban hành 03 Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung năm 2023 làm căn cứ để Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thực hiện quy trình đấu thầu mua sắm, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tổ chức thực hiện quy trình đấu thầu, ký hợp đồng khung với nhà thầu trúng thầu mua sắm tài sản công theo quy định hiện hành.

#### b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân

Công tác xây dựng Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công tại một số cơ sở, đơn vị còn chưa đầy đủ chi tiết, chưa phân rõ trách nhiệm cho từng cá nhân và bộ phận sử dụng tài sản theo quy định; việc cập nhật biến động tài sản và chấp hành chế độ báo cáo quản lý, sử dụng tài sản theo định kỳ còn chậm trễ, nội dung báo cáo còn chưa đầy đủ theo yêu cầu, số liệu đôi khi còn chưa chính xác; một số cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa thực hiện kịp thời việc kê khai, đăng ký tài sản công theo quy định.

Trong công tác mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung, một số cơ

---

1295/QĐ- UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1295/QĐ- UBND ngày 12/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 2372/QĐ-UBND ngày 10/11/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng có giá mua từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản của Văn phòng UBND tỉnh Đắk Lắk

<sup>6</sup> Tổng tài sản công trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đến ngày 20/11/2023 gồm 23.570 cái, nguyên giá 29.177.827,50 triệu đồng.

quan, đơn vị vẫn chưa thực hiện đúng về thành phần hồ sơ và thời gian đăng ký nhu cầu mua sắm được quy định tại Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 08/4/2019 của UBND tỉnh, gây ảnh hưởng đến tiến độ mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý vận hành nhà ở thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều bất cập như: Hoạt động bảo trì, sửa chữa, cải tạo từ nguồn vốn sở hữu nhà nước chưa được thực hiện; một số trường hợp các hộ tự chuyển nhượng hợp đồng thuê nhà...

### **3.13. Doanh nghiệp và cơ sở sản xuất kinh doanh**

#### **a) Kết quả đạt được:**

Về lĩnh vực hoạt động, các doanh nghiệp đã có bước chuyển đổi cơ cấu ngành nghề kinh doanh, từ việc đăng ký và hoạt động các ngành nghề đơn thuần trong lĩnh vực nông, lâm và dịch vụ chế biến quy mô nhỏ, đến nay đã đăng ký phát triển thêm nhiều ngành nghề trong nhiều lĩnh vực mới có tính liên kết cao như: Giáo dục, bảo hiểm, dịch vụ tài chính, năng lượng điện,... Đặc biệt có nhiều doanh nghiệp đầu tư thay đổi dây chuyền công nghệ, tổ chức sản xuất khép kín, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, hiệu quả kinh tế cao.

Nhiều đơn vị trong hoạt động kinh doanh đã phát huy được những lợi thế của mình, chủ động tìm kiếm và mở rộng thị trường, hội nhập ngày càng sâu hơn vào kinh tế quốc tế, kinh tế khu vực; đóng vai trò chủ đạo trong công tác xuất nhập khẩu của tỉnh. Xuất khẩu các sản phẩm nông sản nhất là cà phê, sầu riêng, tiêu, cao su, mật ong... là thế mạnh của tỉnh Đắk Lắk trong nhiều năm qua; năm 2023, tổng kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1.600 triệu USD, tăng 0,86% so với năm 2022. Hàng hóa của Đắk Lắk đã xuất khẩu sang nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, nhất là đã thâm nhập được vào các thị trường lớn với yêu cầu chất lượng hàng hóa và vệ sinh thực phẩm nghiêm ngặt như thị trường Mỹ, Nhật Bản, Anh, Pháp... Đặc biệt niên vụ sầu riêng 2023, khi được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc, giá sầu riêng thu mua ổn định tại vườn trung bình từ 70.000-90.000 đồng/kg, tăng khoảng 25.000đ/kg so với năm 2022. Với giá mua này, thì doanh thu của người sản xuất mật hàng sầu riêng đạt trên 15.000 tỷ đồng/năm, tăng khoảng 5.800 tỷ đồng so với năm 2022.

Mặc dù Chính phủ và địa phương đã triển khai thực hiện nhiều giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh<sup>7</sup>. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn chưa mạnh dạn đầu tư và ổn định sản xuất, kinh doanh. Đến 31/12/2023 có 12.715 doanh nghiệp đăng ký, hoạt động với tổng vốn điều lệ là 143.737 tỷ đồng.

#### **b) Tồn tại hạn chế và nguyên nhân**

Do tình hình thế giới tiếp tục có những diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến phạm vi của đất nước và của tỉnh; doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn do giá cả

<sup>7</sup> Gồm: Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 09/6/2023 về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-NQ-TW ngày 03/6/2017 BCHTW khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN; Kế hoạch số 107/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 21/4/2023 của Chính phủ về một số chính sách, giải pháp trọng tâm hỗ trợ doanh nghiệp chủ động thích ứng, phục hồi nhanh và phát triển bền vững đến năm 2025,...

hàng hóa, nguyên, nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất tăng cao; khó khăn về tài chính, thị trường quốc tế bị thu hẹp,... tiếp tục là những cản trở trong hoạt động của doanh nghiệp.

Ngoài ra, những vấn đề hạn chế nội tại của doanh nghiệp như quy mô nhỏ, tiềm lực hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đạt yêu cầu, năng lực cạnh tranh yếu,... cũng là nguyên nhân chính cản trở sự phục hồi, phát triển của doanh nghiệp trong thời gian vừa qua.

#### **4. Nguồn lực tài chính, tiền tệ**

##### **4.1. Thu, chi ngân sách nhà nước**

Công tác thu ngân sách năm 2023 diễn ra trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế đạt thấp, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn, thị trường bất động sản chưa phục hồi, kết hợp với thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho doanh nghiệp đã tác động làm giảm nguồn thu ngân sách.

Trong năm 2023 với sự chỉ đạo sát sao, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự cố gắng, nỗ lực của cơ quan thuế, số thu thuế, phí năm 2023 đã đạt dự toán HĐND tỉnh giao; thu biện pháp tài chính chưa đạt dự toán HĐND tỉnh giao do chịu tác động lớn từ thị trường bất động sản cả nước nói chung và của tỉnh nói riêng. Tổng thu cân đối ngân sách nhà nước ước thực hiện 7.866,694 tỷ đồng, bằng 105,92% dự toán Trung ương giao và 77,89% dự toán HĐND tỉnh giao, giảm 14% so với cùng kỳ.

UBND tỉnh chỉ đạo điều hành chi ngân sách địa phương đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; chủ động cân đối nguồn ngân sách địa phương, tổ chức chi ngân sách theo dự toán được giao và phù hợp với khả năng thu; đảm bảo nguồn vốn ngân sách được sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả. Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 21.159,154 tỷ đồng, bằng 103,47% dự toán Trung ương giao và 91,78% dự toán HĐND tỉnh giao.

##### **4.2. Hoạt động và dịch vụ ngân hàng**

Phát triển mạng lưới, dịch vụ ngân hàng: Trong năm 2023, trên địa bàn có 02 chi nhánh ngân hàng khai trương hoạt động 02 phòng giao dịch. Đến 31/12/2023, mạng lưới hoạt động các TCTD trên địa bàn có 49 đơn vị; nếu tính cả số lượng chi nhánh loại 2 và các phòng giao dịch, trên địa bàn có 227 điểm giao dịch ngân hàng. Trên địa bàn có 306 máy ATM; 4.327 thiết bị POS/3.541 đơn vị chấp nhận thẻ. Ước đến 31/12/2023, tổng nguồn vốn huy động ước đạt 80.200 tỷ đồng, tăng 0,07% so với tháng trước; tổng dư nợ cho vay nền kinh tế ước đạt 148.600 tỷ đồng, tăng 1,89% so với tháng trước. Dư nợ cho vay của Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh ước đạt 7.345 tỷ đồng, chiếm 4,94% tổng dư nợ; với gần 205.000 khách hàng còn dư nợ.

#### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

*Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương xem xét:*

##### **1. Đối với Dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuật: Theo**

quy định tại điểm d khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, việc giải phóng mặt bằng các điểm mỏ thực hiện theo cơ chế thỏa thuận giữa nhà thầu thi công và chủ sử dụng đất. Tuy nhiên, thực tế công tác thỏa thuận bồi thường, hỗ trợ về đất đai để khai thác mỏ vật liệu gặp nhiều khó khăn. Trong trường hợp chủ sử dụng đất không đồng thuận thì thiếu chế tài để cưỡng chế giải phóng mặt bằng, thời gian thỏa thuận kéo dài, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án; Nội dung này UBND tỉnh đã báo cáo tại Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 03/11/2023 gửi Bộ GTVT tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ. Kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải báo cáo Chính phủ xem xét trình Quốc hội ban hành Nghị quyết cho phép các địa phương thực hiện việc thu hồi đất, lập phê duyệt phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng theo trình tự quy định của pháp luật đất đai đối với các điểm mỏ vật liệu xây dựng thông thường phục vụ dự án.

**2.** Quan tâm bố trí đầy đủ kinh phí cho địa phương để thực hiện các Dự án, Tiểu dự án của ba Chương trình mục tiêu quốc gia (Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021-2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025) và các Chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của các huyện, thị xã và thành phố để tạo ra nhiều việc làm cho người lao động.

**3.** Nghiên cứu tổ chức xây dựng chính sách hợp tác giữa các trường chất lượng cao, trường có nghề trọng điểm với các doanh nghiệp nước ngoài, khu vực và quốc tế để đào tạo nghề theo đơn đặt hàng, cung ứng lao động sau đào tạo theo yêu cầu doanh nghiệp, đồng thời xây dựng mức lương, vị trí việc làm công khai minh bạch cho người học hiểu rõ, hiểu đúng ngành nghề theo học theo đơn đặt hàng, nhằm thu hút người học nghề. Duy trì hợp tác và xây dựng kế hoạch đào tạo chuyển giao công nghệ tương tự như đối với mô hình thí điểm chương trình tào tạo của Uç đã thực hiện tại trường Cao đẳng Công nghệ Tây Nguyên.

#### **4. Về lĩnh vực Lâm nghiệp, kính đề nghị:**

- Đề nghị Trung ương sớm xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức, cơ chế điều tiết, phân bổ ngân sách nhà nước bảo đảm hài hòa lợi ích, trách nhiệm đối với các địa phương có diện tích rừng lớn, nhất là rừng tự nhiên (đã được chỉ đạo tại Kết luận số 61-KL/TW ngày 05/9/2023 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng), đây là nội dung rất cấp thiết cần sớm được triển khai ngay trong năm 2024 để kịp thời xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

- Đề nghị Chính phủ cụ thể hóa hoàn thiện chính sách đầu tư, tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia vào việc bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản, tạo đòn bẩy cho phát triển lâm sản trong giai đoạn 2021-2030. Theo quy định của Luật Lâm nghiệp quy định một số chính sách về lâm nghiệp được Nhà nước hỗ trợ đầu tư, ưu đãi đầu tư theo quy định của Chính phủ. Cụ thể, khoản 3 Điều 50 quy định “Nhà nước có chính sách hỗ trợ về giống, hướng dẫn kỹ thuật trồng cây phân tán”; khoản 2 Điều 66 quy định “Chính sách phát triển chế biến lâm sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ”; khoản 2 Điều 70 quy định “Chính sách phát triển thị trường

lâm sản quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của Chính phủ”; khoản 5 Điều 99 quy định “Chính phủ ban hành chính sách hợp tác quốc tế về lâm nghiệp phù hợp với điều kiện cụ thể trong từng thời kỳ”. Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể về những nội dung này.

- Đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành các định mức về kinh phí bảo vệ, phát triển rừng trong giai đoạn 2021 - 2025 để thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng có hiệu quả:

+ Tăng định mức đầu tư trồng rừng phòng hộ, đặc dụng lên 70 triệu đồng/ha trở lên (mức tối đa hiện nay là 30 triệu đồng/ha) và hỗ trợ trồng rừng sản xuất hiệu quả từ 50 triệu đồng/ha trở lên (mức hỗ trợ hiện nay là từ 5-8 triệu/ha, các tỉnh Tây Nguyên hỗ trợ thêm 2 triệu/ha) để thu hút các doanh nghiệp, hộ gia đình tham gia trồng rừng (trồng rừng theo tiêu chuẩn bền vững bằng loài cây gỗ lớn, cây bản địa có giá trị và đơn giá tăng lên do mức lương cơ bản, chi phí vật tư, giống, công lao động... đều tăng). Trong kế hoạch trung hạn và hàng năm cần cân đối, bố trí nguồn vốn, kinh phí đảm bảo để thực thi các chính sách, chương trình mục tiêu của Trung ương thực sự có hiệu quả. Tạo điều kiện để tỉnh được tiếp cận, tham gia các dự án ODA về bảo vệ, phát triển rừng, cải thiện sinh kế, phát triển kinh tế - xã hội vùng có rừng tự nhiên.

+ Ban hành quy định cấp kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ Ngân sách Trung ương với mức tối thiểu 1,3 triệu đồng/ha/năm .

+ Xem xét, nâng mức chi cho UBND cấp xã từ 100.000 đồng/ha/năm lên 500.000 đồng/ha/năm, để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện hiệu quả công tác quản lý bảo vệ rừng đối với diện tích rừng tự nhiên do UBND cấp xã quản lý.

5. Kính đề nghị Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương quan tâm hỗ trợ kinh phí đầu tư kết nối hạ tầng cho vùng Tây Nguyên nói chung và cho tỉnh Đắk Lắk nói riêng, đặc biệt là kết nối hạ tầng giao thông, thủy lợi... để phục vụ nhu cầu sản xuất của nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Đắk Lắk:

(1) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1667+570 - Km1738+148 (Km607+600-Km678+734, Quốc lộ 14), tỉnh Đắk Lắk do Bộ Giao thông vận tải quyết định đầu tư sử dụng nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 của Quốc hội, trong đó có hạng mục xây dựng 01 đơn nguyên Cầu 110, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk có tổng mức đầu tư là 24.070 triệu đồng. Hiện đang tạm dừng do vướng mặt bằng và công trình chưa hoàn thành do nguồn vốn Trái phiếu Chính phủ từ năm 2016-2018 không được kéo dài làm ảnh hưởng đến việc đi lại, lưu thông hàng hóa của tỉnh Đắk Lắk với các tỉnh Bắc Tây Nguyên và duyên hải Miền Trung. Tỉnh Đắk Lắk đã có nhiều văn bản (Số 3547/UBND-NNMT, ngày 24/4/2020; số 6637/UBND-NNMT, ngày 21/7/2021; số 11958/UBND-CN, ngày 03/12/2021; số 6940/UBND-TH, ngày 17/8/2022) kiến nghị Bộ Giao thông vận tải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét tiếp tục bố trí nguồn vốn trong thời gian sớm nhất để hoàn thành hạng mục Cầu 110 trên tuyến đường Quốc lộ 14 (Kinh phí hỗ trợ giải phóng mặt bằng là 1.090,248 triệu đồng và giá trị xây lắp còn lại chưa hoàn thành là 2.435,996 triệu đồng). Trường hợp, Bộ Giao thông vận tải chưa bố trí vốn kịp thời, kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải báo cáo Thủ tướng Chính phủ thống nhất giao cho tỉnh

Đắc Lắc ứng trước nguồn ngân sách địa phương để thực hiện; đồng thời, kính đề nghị Bộ Giao thông vận tải có văn bản cam kết hoàn ứng lại cho tỉnh trong giai đoạn 2021-2025, nhưng đến nay vẫn chưa được Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

Mặc khác, trong thời gian qua, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh cũng đã có Công văn kiến nghị về nội dung này như sau: *“Dự án xây dựng cầu 110 tại xã Ea H’leo được đầu tư xây dựng từ năm 2018 và đạt hơn 80% khối lượng công việc. Nhưng từ đó đến nay đã dừng thi công, làm ảnh hưởng đến việc đi lại, sinh hoạt của người dân gần khu vực cầu, có nguy cơ mất an toàn giao thông, gây lãng phí ngân sách nhà nước. Đề nghị quan tâm xem xét để tiếp tục thi công hoàn thiện cầu 110”*.

Ngày 14/02/2023, Bộ Giao thông vận tải đã có Công văn số 1283/BGTVT-KHĐT gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Đắc Lắc về việc trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Đắc Lắc gửi tới sau kỳ họp Thứ 4, Quốc hội khoá XV. Trong đó, có nội dung trả lời như sau:

*“Về đề nghị tiếp tục thi công hoàn thiện cầu 110 tại xã Ea H’leo: Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Km1667+570 - Km1738+148, tỉnh Đắc Lắc được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đầu tư với tổng mức đầu tư 2.633 tỷ đồng, sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ theo Nghị quyết số 65/2013/QH13 của Quốc hội. Trên cơ sở kiến nghị của địa phương, Bộ Giao thông vận tải đã phê duyệt điều chỉnh dự án, bổ sung hạng mục xây dựng 01 đơn nguyên Cầu 110, huyện Ea H’leo, tỉnh Đắc Lắc vào dự án, thời gian hoàn thành năm 2017.*

*Trong quá trình triển khai, do chủ đầu tư tiểu dự án giải phóng mặt bằng của địa phương chậm trễ, không hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng dẫn đến nguồn vốn của Dự án bị thu hồi về ngân sách nhà nước và Bộ Giao thông vận tải đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị rà soát, triển khai thủ tục dừng Dự án để thực hiện công tác quyết toán dự án quy định. Đồng thời, trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được Quốc hội thông qua không có danh mục dự án.*

*Về đề nghị tiếp tục thi công hoàn thiện Cầu 110 tại xã Ea H’leo là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu vận tải, bảo đảm an toàn giao thông và phát huy hiệu quả dự án đầu tư. Căn cứ nhu cầu và khả năng cân đối nguồn lực, Bộ Giao thông vận tải sẽ tiếp tục rà soát, cân đối bố trí từ các nguồn vốn hợp pháp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định”*.

Tuy nhiên, đến nay Dự án vẫn còn dang dở, chưa được triển khai thực hiện hoàn thành làm ảnh hưởng đến việc đi lại, sinh hoạt của người dân gần khu vực cầu, có nguy cơ mất an toàn giao thông, gây lãng phí ngân sách nhà nước. UBND tỉnh kính đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm xem xét bố trí nguồn vốn để dự án được triển khai hoàn thành.

(2) Về việc bố trí vốn đầu tư xây dựng Đường giao thông kết nối vùng giữa Đắc Lắc và Đắc Nông

Căn cứ Thông báo số 4451/TB-TTKQH ngày 09/7/2021 của Tổng thư ký Quốc hội về kết luận của Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ tại chuyên thăm,

làm việc với tỉnh Đắk Lắk (Từ 29-30/6/2021), trong đó có nội dung đồng ý về chủ trương hỗ trợ để đầu tư đường kết nối giữa Đắk Lắk và Đắk Nông, đề nghị tỉnh Đắk Lắk phối hợp với tỉnh Đắk Nông đề xuất cụ thể, UBND tỉnh Đắk Lắk đã phối hợp chặt chẽ với UBND tỉnh Đắk Nông và đã thống nhất tỉnh Đắk Lắk làm cơ quan đầu mối báo cáo đề xuất Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành chấp thuận chủ trương hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng dự án từ nguồn ngân sách Trung ương; UBND tỉnh Đắk Lắk kính đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh tiếp tục quan tâm kiến nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội quan tâm, xem xét bố trí nguồn vốn để dự án được triển khai dự án Đường giao thông kết nối vùng giữa Đắk Lắk và Đắk Nông với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng **320,078** tỷ đồng.

**V. PHỤ LỤC BẢNG BIỂU SỐ LIỆU:** Chi tiết tại các Phụ lục kèm theo.

Trên đây là Báo cáo nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk năm 2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk báo cáo theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Viện chiến lược phát triển – Bộ KH&ĐT (b/c);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, tp;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, TH.

**GIÁM ĐỐC**

**Võ Ngọc Tuyên**